

Bản án số: 70/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13 – 11 – 2018
V/v tranh chấp Hôn nhân và Gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Vinh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Khanh.

2. Ông Trần Xương.

- Thư ký phiên toà: Ông Quách Văn Diễn-Thư ký Toà án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Bà Đặng Xuân Mai-Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 397/2018/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 10 năm 2018, về tranh chấp Hôn nhân và Gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1978, địa chỉ: Số 423/5, ấp, xã A, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Chỗ ở hiện nay: Số 1/1, ấp L, xã L, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

- Bị đơn: Chị Trang Thị Hồng Đ, sinh năm 1980, địa chỉ: Số 423/5, ấp T, xã A, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Vào năm 2009, anh Trần Văn H và chị Trang Thị Hồng Đ tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A. Quá trình sống chung có 01 người con tên là Trần Hiếu B, sinh ngày 17/4/2010, hiện đang sống với chị Đ.

Do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, nên từ ngày 30/4/2018 vợ chồng đã chia tay và sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy, vợ chồng sống chung không hạnh phúc, hôn nhân không thể tồn tại được.

*Nay anh H yêu cầu Toà án giải quyết như sau:

- Về Quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với chị Trang Thị Hồng Đ;
- Về con chung: Tuỳ theo nguyện vọng của con, theo ai thì người đó nuôi dưỡng, nếu anh nuôi con thì không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng;
- Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết;
- Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Tại phiên toà, chị Trang Thị Hồng Đ thể hiện ý kiến như sau:

- Về Quan hệ hôn nhân: Chị không đồng ý ly hôn với anh H;
- Về con chung: Nếu Toà án giải quyết cho ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trần Hiếu B, sinh ngày 17/4/2010 đến tuổi trưởng thành và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật;
- Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết;
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

*Tại phiên toà, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách cho rằng việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên toà, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Về Quan hệ hôn nhân:

[1] Anh Trần Văn H và chị Trang Thị Hồng Đ tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn và tuân thủ quy định tại các điều 8 và 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

[2] Xét về tình trạng hôn nhân, thấy rằng: Quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của hai bên, trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng anh H, chị Đ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau nên không còn hạnh phúc, cho nên hai người đã sống ly thân từ ngày 30/4/2018 cho đến nay. Đến thời điểm này, cả anh H và chị Đ cũng không có một biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà vẫn tiếp tục sống ly thân và bỏ mặc nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56

của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H.

- Về con chung:

[3] Trong thời kỳ hôn nhân, anh H và chị Đ có 01 người con chung tên là Trần Hiếu B, sinh ngày 17/4/2010, hiện đang sống với chị Đ.

[4] Theo quy định tại khoản 1 Điều 71, các khoản 1, 2 Điều 81, các điều 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì cha và mẹ đều có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Nếu không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con thì căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Tòa án quyết định giao cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi dưỡng cũng có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

[5] Xét thấy, cháu Trần Hiếu B có nguyện vọng sống với mẹ, người con này từ nhỏ đã được người mẹ chăm sóc nuôi dưỡng tốt, cho nên phải giao cho người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý, tránh thay đổi môi trường sống ổn định của trẻ nhỏ. Nếu sau này người mẹ nuôi dưỡng không tốt thì người cha có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con. Hơn nữa, anh H cũng đồng ý giao cháu B cho chị Đ nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đ, giao cháu Trần Hiếu B, sinh ngày 17/4/2010 cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Dành quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục người con chung này cho anh H, không ai được ngăn cản.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định “Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên...”. Như vậy, anh H không trực tiếp nuôi cháu B, nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, theo yêu cầu của chị Đ, là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 71 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì “Cha, mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên...”. Vì vậy, nghĩa vụ nuôi dưỡng cháu B là nghĩa vụ chung của chị Đ và anh H.

[7] Về mức cấp dưỡng: Tại khoản 1 Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”. Anh H cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung theo phương thức định hàng tháng 2.000.000đồng. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Đ, buộc anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu B theo định kỳ hàng tháng với số tiền 2.000.000đồng. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 13/11/2018 cho đến khi cháu B tròn 18 tuổi. Quyết định về nội dung này có hiệu lực thi hành ngay.

[8] Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

[9] Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Buộc anh H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng, tổng cộng 600.000đ.

[11] Đề nghị của Kiểm sát viên về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, theo như nhận định nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 và điểm a khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83, 84 và 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Điều 26 của Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1) Về Quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn H được ly hôn với chị Trang Thị Hồng Đ.

2) Về con chung: Chị Đ được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Hiếu B, sinh ngày 17/4/2010 đến tuổi trưởng thành, anh H được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục người con chung này, không ai được ngăn cản.

3) Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Hiếu B, sinh ngày 17/4/2010 theo định kỳ hàng tháng với số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm (13/11/2018), cho đến khi cháu B tròn 18 tuổi. Quyết định về nội dung này có hiệu lực thi hành ngay.

4) Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

5) Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

6) Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn và 300.000đồng án phí cấp dưỡng, tổng cộng 600.000đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng, theo biên lai thu tiền số 0004296, ngày 02/10/2018, của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Kế Sách. Như vậy, anh H còn phải nộp thêm số tiền án phí là 300.000đồng.

7) Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

8) Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Ủy ban nhân dân xã A;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(đã ký)

Trần Vinh Thắng